

Phụ lục 100
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CƯ JÚT

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)	82	70	53	41
2	Đất trồng cây lâu năm	133	96	63	52
3	Đất rừng sản xuất	24	21	18	15
4	Đất nuôi trồng thủy sản	43	36	30	25

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp

1. Đất ở:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Đường Nguyễn Tất Thành về phía Gia Nghĩa	
	Từ cửa hàng xe máy Bảo Long đến ngã 5 đường Ngô Quyền	8.407
2	Đường Nguyễn Tất Thành về phía Đắk Lắk	
	Từ cửa hàng xe máy Bảo Long đến hết cửa hàng xe máy Lai Hương	9.818
	Từ hết cửa hàng xe máy Lai Hương đến hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	7.935

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi đến giáp ranh thôn 1 Tâm Thắng	6.040
3	Đường Trần Hưng Đạo	
	Từ ngã 5 đường Ngô Quyền đến ngã 3 đường Nguyễn Đình Chiểu	7.150
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã 3 đường Lê Hồng Phong	6.016
	Từ ngã 3 đường Lê Hồng Phong đến hết ranh giới thôn 1 Ea Tling giáp thôn 1 Trúc Sơn	4.048
4	Đường Hùng Vương (đường đi Krông Nô)	
	Từ ngã 5 đường Trần Hưng Đạo đến ngã 3 đường Bà Triệu (cổng thôn văn hoá 4 Ea Tling)	3.755
	Từ ngã 3 đường Bà Triệu (cổng thôn văn hoá 4 Ea Tling) đến ngã 4 đường Nguyễn Du	1.950
	Từ ngã 4 đường Nguyễn Du đến Nhà máy nước sạch	1.150
	Từ Nhà máy nước sạch đến giáp ranh xã Nam Đà	860
5	Đường Nguyễn Du (vào thác Trinh Nữ)	
	Từ Km 0 ngã 4 đường Hùng Vương đến ngã 3 đường Trường Chinh	1.240
	Từ ngã 3 đường Trường Chinh đến cổng thác Trinh Nữ	900
6	Đường Trường Chinh (đường Sinh Thái)	
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Du đến giáp ranh thôn 4 Tâm Thắng	550
7	Đường Hai Bà Trưng (vào thôn 6 Ea Tling)	
	Từ ngã 5 đường Hai Bà Trưng đến đường Trương Công Định (ngã 3 khu tập thể huyện, cổng nhà ông Hưng)	1.170
	Từ đường Trương Công Định (ngã 3 khu tập thể huyện, cổng nhà ông Hưng) đến đường Nguyễn Hữu Thọ (ngã 3 nhà ông Xế)	885
	Từ đường Nguyễn Hữu Thọ (ngã 3 nhà ông Xế) đến ngã 3 đường Nguyễn Du (vào thác Trinh Nữ)	875
8	Đường Lý Tự Trọng	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành) đến Km 0 + 130m	1.800
	Từ Km 0 + 130m đến hết Nhà thờ từ đường nhà họ Phạm	1.691
	Từ hết Nhà thờ từ đường nhà họ Phạm đến hết cổng ngã 5 đường Phạm Văn Đồng (nhà ông Tòng)	618
	Từ hết cổng ngã 5 đường Phạm Văn Đồng (nhà ông Tòng) đến ngã 3 đường Trường Chinh (đường Sinh Thái)	535
9	Đường Nguyễn Văn Linh (đường đi Nam Dong)	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 đến ngã 3 đường Lê Lợi	2.917
	Từ ngã 3 đường Lê Lợi đến hẻm 219 đường Nguyễn Văn Linh	2.830
	Từ hẻm 219 đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 4 đường Phan Chu Trinh	2.075
10	Đường Phan Chu Trinh (đường Tân Hải)	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 4 Nguyễn Tất Thành) đến cổng Trường THPT Phan Chu Trinh	2.100
11	Đường Phạm Văn Đồng (khu phố chợ)	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 4 Nguyễn Tất Thành) đến ngã 3 đường Nguyễn Trãi (hết khu phố chợ, ngã 3 đường sau chợ)	4.120
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Trãi (hết khu phố chợ, ngã 3 đường sau chợ) đến ngã 3 đường Đinh Tiên Hoàng (dốc đá)	2.030
	Từ ngã 3 đường Đinh Tiên Hoàng (dốc đá) đến ngã 5 đường Lý Tự Trọng (ngã 5 nhà ông Tòng)	1.322
12	Đường Đinh Tiên Hoàng	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã ba đường Phạm Văn Đồng đến ngã 3 đường Nguyễn Bình Khiêm	880
13	Đường Nguyễn Bình Khiêm	
	Từ ngã 3 đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã 5 đường Lý Tự Trọng	1.265
14	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đường vào siêu thị Tất Thắng)	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành) đến ngã 3 đường Nguyễn Trãi (hết khu phố chợ)	3.690
15	Đường Nguyễn Trãi (đường phía sau chợ huyện, bệnh viện cũ)	
	Từ ngã 3 đường Phạm Văn Đồng đến ngã 3 đường Huỳnh Thúc Kháng (đường vào siêu thị Tất Thắng)	3.335
	Từ ngã 3 đường Huỳnh Thúc Kháng đến ngã 3 đường Quang Trung	1.880
16	Đường Trương Công Định (đường nhà ông Khoa)	
	Từ ngã 3 đường Phạm Văn Đồng đến ngã 3 đường Lý Tự Trọng	1.930
	Từ ngã 3 đường Hai Bà Trưng đến ngã 3 đường Lý Tự Trọng	1.465
17	Đường Ngô Quyền (vào Trung tâm chính trị)	
	Từ ngã 5 đường Nguyễn Tất Thành (Km 0) đến ngã 4 đường Y Ngông - đường Lê Quý Đôn	4.110
	Từ ngã 4 đường Y Ngông - đường Lê Quý Đôn đến ngã 3 đường Lê Hồng Phong	3.950
18	Đường Lê Lợi	
	Từ Km 0 ngã 3 đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Nơ Trang Gur	1.850
	Từ ngã 3 đường Nơ Trang Gur đến ngã 3 đường Nguyễn Khuyến (hoa viên Hồ Trúc)	2.130
19	Đường Lê Hồng Phong (đường vành đai)	
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Khuyến đến ngã 3 nhà ông Sác	2.541
	Từ ngã 3 nhà ông Sác đến ngã 3 đường Trần Hưng Đạo	2.241
20	Đường Điện Biên Phủ (đường vào Sao Ngân Phương)	
	Từ ngã 3 đường Lê Hồng Phong đến giáp cầu	645
21	Đường Kim Đồng (Nhà máy điều)	
	Từ Km 0 ngã 3 đường Trần Hưng Đạo đến Nhà máy điều công chính	1.163
22	Đường Nguyễn Công Trứ (Nhà máy điều)	
	Từ Km 0 ngã 3 đường Trần Hưng Đạo đến nhà máy điều (công phụ)	1.544
23	Đường Lê Quý Đôn (tuyến 2 bon U2)	
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Đình Chiểu (chùa Huệ Đức) đến ngã 4 giáp đường Y Ngông	2.700
24	Đường Y Ngông (tuyến 2 bon U2)	
	Từ ngã 4 đường Lê Quý Đôn đến ngã 3 đường Nơ Trang Gur	1.837
25	Đường Nơ Trang Gur (tuyến 2 bon U2)	
	Từ ngã 3 đường Y Ngông đến ngã 3 đường Lê Lợi	1.410
26	Đường Nơ Trang Long (tuyến 2 bon U1)	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 đến ngã 3 đường Nguyễn Thị Định	2.553
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Thị Định đến hẻm 214 đường Nguyễn Văn Linh (bên cạnh trường mẫu giáo Ea Tling)	1.725
	Từ hẻm 214 đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Quang Trung	1.275
27	Đường Bà Triệu (đường vào TDP4)	
	Từ ngã 3 đường Hùng Vương đến ngã 3 đường Đoàn Thị Điểm	3.010
	Từ ngã 3 đường Đoàn Thị Điểm đến ngã 4 đường Y Nuê (cạnh nhà ông Chính)	1.290

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã 4 đường Y Nuê (cạnh nhà ông Chính) đến ngã 3 đường Võ Thị Sáu	1.140
28	Đường Nguyễn Đình Chiểu (cạnh chùa Huệ Đức)	
	Từ Km 0 (ngã 3 đường Trần Hưng Đạo) đến ngã 3 đường Lê Hồng Phong	3.300
29	Đường Võ Thị Sáu (đường đội 7)	
	Từ Km 0 (ngã 3 đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 500m	1.232
30	Đường Lê Duẩn	
	Từ Km 0 (ngã 3 đường Phan Chu Trinh) đến ngã 3 đường Quang Trung (nhà ông Sự)	1.020
	Từ ngã 3 đường Lê Duẩn đến ngã 4 đường Phan Chu Trinh	985
31	Đường Nguyễn Chí Thanh (cạnh Kiểm lâm)	
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Lê Duẩn	985
32	Đường Quang Trung	
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Thị Minh Khai đến ngã 3 đường Nguyễn Khuyến	790
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Khuyến đến ngã 4 đường Nguyễn Văn Linh	1.005
	Từ ngã 4 đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Lý Thái Tổ	855
	Từ ngã 3 đường Lý Thái Tổ đến ngã 4 đường Lê Duẩn	1.107
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành (Km 0) đến ngã 3 đường Nguyễn Trãi (Km 0 + 300m)	2.050
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Trãi (Km 0 + 300m) đến đường Lê Lai	1.275
33	Đường Y Jút (đường vào nhà rông bon U3 cạnh trụ điện 500kV)	
	Từ Km 0 đường Nguyễn Văn Linh đến Km 0 + 700m (nhà rông bon U3)	1.104
34	Đường Y Bih Alêo (tuyến 2 bon U3)	
	Từ ngã 3 hẻm 219 đường Nguyễn Văn Linh (trường Dân tộc nội trú) đến ngã 4 đường Y Jút (ngã 3 nhà ông Vận)	945
	Từ ngã 4 đường Y Jút (ngã 3 nhà ông Vận) đến đường Nguyễn Văn Linh	910
35	Đường Lê Lai (đường vào khu đồng chua)	
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành (Km 0) đến ngã 3 đường Quang Trung	1.400
	Từ ngã 3 đường Quang Trung đến đường đi thôn 4, thôn 5 Tâm Thắng	935
36	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
	Từ ngã 3 đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Lê Hồng Phong	2.130
	Từ ngã 4 đường Lê Hồng Phong đến đường Quang Trung	1.466
37	Đường Mạc Thị Bưởi (đường liên thôn 9 Ea Tling)	
	Từ ngã 3 đường Nơ Trang Long (cạnh nhà ông Tuyến) đến giáp đường Phan Chu Trinh	1.292
38	Đường Y Ôn	
	Từ ngã 3 đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Nguyễn Chí Thanh	860
39	Đường Lý Thái Tổ	
	Từ ngã 3 đường Quang Trung đến ngã 3 đường Phan Chu Trinh	1.040
40	Đường Nguyễn Tri Phương	
	Từ ngã 3 đường Lý Thường Kiệt đến ngã 3 đường Phan Chu Trinh	1.020
41	Đường Phan Đăng Lưu	
	Từ ngã 3 đường Lý Thường Kiệt đến ngã 3 đường Phan Chu Trinh	985
42	Đường Lý Thường Kiệt	
	Từ đường Lý Thái Tổ đến đường Phan Đăng Lưu	980
43	Đường Trần Quý Cáp	
	Từ đường Nguyễn Khuyến đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	1.810

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
44	Đường Nguyễn Khuyến	
	Từ ngã 3 đường Lê Hồng Phong đến ngã 3 đường Quang Trung	2.005
45	Đường Phan Đình Giót	1.368
46	Đường Hồ Tùng Mậu	1.370
47	Đường Nguyễn Viết Xuân	
	Từ Km 0 đường Trần Hưng Đạo đến Km 0 + 360m	850
	Từ Km 0 + 360m đến đường Nguyễn Văn Cừ	630
48	Đường Y Nuê	
	Từ Km 0 đường Trần Hưng Đạo đến Km 0 + 360m	880
	Từ Km 0 + 360m đến đường Nguyễn Văn Cừ	842
49	Đường Tô Hiến Thành	
	Từ đường Trần Hưng Đạo đến ngã 3 hẻm 84 đường Hùng Vương	750
	Từ ngã 3 hẻm 84 đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Cừ	685
50	Đường Nguyễn Văn Cừ	
	Từ đường Hùng Vương đến đường Võ Thị Sáu	750
51	Đường Tuệ Tĩnh	
	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Bà Triệu	1.100
52	Đường Đoàn Thị Điểm	
	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Bà Triệu	1.080
53	Đường Nguyễn Hữu Thọ	
	Từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Du	815
54	Đường Cao Thắng	
	Từ đường Hùng Vương đến đường Hai Bà Trưng	971
55	Đường Nguyễn Thị Định	
	Từ đường Nơ Trang Long đến hẻm 35 đường Y Ngông	900
56	Hẻm 29 đường Bà Triệu	
	Từ đường Bà Triệu đến đường Nguyễn Văn Cừ	880
57	Hẻm 41 đường Bà Triệu	
	Từ đường Bà Triệu đến đường Nguyễn Văn Cừ	820
58	Hẻm 13 đường Bà Triệu	
	Từ đường Bà Triệu đến hẻm 84 đường Hùng Vương	920
59	Hẻm 28 đường Hùng Vương	1.110
60	Hẻm 84 đường Hùng Vương	
	Từ đường Hùng Vương đến hẻm 29 đường Bà Triệu	1.060
61	Hẻm 100 đường Hùng Vương	
	Từ đường Hùng Vương đến đường Tô Hiến Thành	900
62	Hẻm 35 đường Y Ngông	
	Từ đường Y Ngông đến đường Nguyễn Thị Định	900
63	Hẻm 10 đường Nguyễn Thị Minh Khai	880
64	Khu trung tâm thị trấn	554
65	Ngoài trung tâm thị trấn	360
66	Quốc lộ 14 đoạn giáp Đắc Lắc	
	Từ ngã 3 Tân Hải đến ngã 3 Khu công nghiệp Tâm Thắng	3.791
	Từ ngã 3 Khu công nghiệp Tâm Thắng đến cầu 14	3.657
67	Đường đi Nam Dong	
	Từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến cổng Trường THPT Phan Chu Trinh	1.573

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã 4 Trường THPT Phan Chu Trinh đến ngã 3 hết thôn 9 Tâm Thắng	1.663
	Từ ngã 3 hết thôn 9 Tâm Thắng đến cầu Sắt (giáp xã Nam Dong)	1.622
68	Đường vào Nhà máy đường	
	Từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến suối Hương	490
69	Đường vào trường THCS Phan Đình Phùng	
	Từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến trường THCS Phan Đình Phùng	840
	Từ trường THCS Phan Đình Phùng đến ngã 4 buôn Ea Pô	606
70	Đường bê tông thôn 10 Tâm Thắng cũ	
	Từ ngã 3 thôn 9 đến ngã 4 nhà ông Hải	465
71	Đường liên thôn Tâm Thắng	
	Từ nhà ông Hải đến ngã 4 buôn Ea Pô	455
72	Đường thôn 2 đi thôn 4, thôn 5 Tâm Thắng	
	Từ ngã 3 nhà ông Dũng đến ngã 3 nhà ông Đại (giáp ranh thị trấn cũ)	510
	Từ ngã 3 nhà ông Đại (giáp ranh thị trấn cũ) đến ngã 3 hồ câu Đồng Xanh	530
	Từ Quốc lộ 14 đến hết nhà bà Tuyết	500
73	Đường thôn 4 Tâm Thắng cũ	
	Từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến cầu nhà ông Chính	510
	Từ cầu nhà ông Chính đến ngã 3 nhà ông Cường	520
74	Đường sinh thái	
	Từ Quốc lộ 14 đến giáp suối Hương (khu bộ đội)	680
	Từ giáp suối Hương (khu bộ đội) đến đường Trường Chinh	660
75	Đường buôn Nui Tâm Thắng cũ	
	Từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến ngã 4 nhà ông Việt	689
	Từ ngã 4 nhà ông Việt đến nhà văn hoá Bốn Buôn	635
	Từ nhà văn hoá Bốn Buôn đến ngã 4 đất nhà ông Y Jút	570
76	Đường thôn 6 Tâm Thắng	
	Từ Quốc lộ 14 đến cầu nhà ông Thản	750
	Từ cầu nhà ông Thản đến giáp đường nhựa thôn 5	720
	Từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến nhà ông Vương	725
	Từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến nhà ông Bách	725
77	Đường thôn 12 Tâm Thắng	
	Từ Quốc lộ 14 đến nhà ông Soát	532
78	Đường Tân Hải đi buôn Trum	708
79	Đường thôn 3 đi UBND Tâm Thắng cũ	
	Từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến ngã 3 nhà ông Ngọ	780
	Từ ngã 3 nhà ông Ngọ đến ngã 3 nhà ông Hưng	605
	Từ ngã 3 nhà ông Hưng đến ngã 3 đường sinh thái	580
80	Đất ở còn lại các trục đường nhánh (đường bê tông) của trục chính	328
81	Đất ở khu dân cư còn lại Tâm Thắng cũ	230
82	Đường thôn 7 Tâm Thắng	
	Các trục đường bê tông 7, 8, 9, 10	700
83	Đường thôn 5 Tâm Thắng	
	Từ nhà ông Đại đến nhà ông Nam	700
84	Đường thôn 13 Tâm Thắng	
	Từ cổng trường Phan Chu Trinh đến hội trường thôn 13	820
	Từ hội trường thôn 13 đến cuối đường	730

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
85	Đường liên thôn, buôn Tâm Thắng cũ	
	Từ ngã 4 cây đa đến ngã 4 đất nhà ông Y Jút	670
	Từ ngã 3 đường buôn Nui đến ngã 3 nhà ông Ngur	580
86	Quốc lộ 14 đoạn giáp xã Đăk Mil	
	Từ ranh giới thị trấn đến cổng Công ty Tân Phát	1.891
	Từ cổng Công ty Tân Phát đến giáp xã Đăk Mil	834
87	Đường đi Cư Nia	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 đến Km 0 + 300m	820
	Từ Km 0 + 300m đến chân dốc cổng trời	745
88	Đường bê tông thôn 1 Trú Sơn	255
89	Đường bê tông liên thôn 1, 2, 3, 4	308
90	Đường bê tông thôn 3 Trú Sơn	240
91	Đường bê tông liên thôn 6 Trú Sơn	240
92	Đất ở các khu dân cư còn lại Trú Sơn	182
93	Trục đường chính Cư Knia cũ	
	Từ giáp ranh thôn 1 Trú Sơn cũ đến cổng văn hoá thôn 1 Trú Sơn	240
	Từ cổng văn hoá thôn 1 Trú Sơn đến nhà ông Tặng	440
	Từ nhà ông Tặng đến hết đất nhà ông Tại	430
	Từ hết đất nhà ông Tại đến cầu Đăk D' rông	430
94	Đường vào UBND xã Cư Knia cũ	
	Từ ngã 3 nhà ông Thịnh đến trường Chu Văn An	410
	Từ trường Chu Văn An đến ngã 3 nhà ông Nhàn	660
	Từ cổng văn hoá thôn 1 đến trụ sở UBND xã	295
	Từ ngã 3 nhà ông Nhàn đến cầu Hoà An	295
	Từ cầu Hoà An đến đường vào thôn 9, 10	299
95	Đường vào thôn 5, thôn 6 Cư Knia cũ	
	Từ ngã 3 nhà ông Nhàn + 100m đến ngã 3 công trình nước sạch	426
	Từ ngã 3 công trình nước sạch đến hết đường	225
96	Đất ở các khu dân cư còn lại Cư Knia cũ	140
97	Khu dân cư thôn 12 (bổ sung) Cư Knia cũ	195
98	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá và các thôn, bon	215

2. Đất thương mại, dịch vụ (TMDV); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (CSSXPNN); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (HĐKS):

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất TMDV	Giá đất CSSXPNN	Giá đất HĐKS
1	Đường Nguyễn Tất Thành về phía Gia Nghĩa			
	Từ cửa hàng xe máy Bảo Long đến ngã 5 đường Ngô Quyền	6.726	5.885	5.885
2	Đường Nguyễn Tất Thành về phía Đăk Lăk			
	Từ cửa hàng xe máy Bảo Long đến hết cửa hàng xe máy Lai Hương	7.854	6.873	6.873
	Từ hết cửa hàng xe máy Lai Hương đến hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	6.348	5.555	5.555